

Bản án số: 113/2021/HS-ST
Ngày 04-8-2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Đức Lập

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đào Tuấn Điệp

Ông Nguyễn Nam Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Thao - Thẩm tra viên của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Huệ - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 67/2021/TLST-HS ngày 11 tháng 5 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 336/2021/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 6 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 452/2021/HSST-QĐ ngày 22 tháng 7 năm 2021 đối với bị cáo:

1. **Vũ Thị Thu D**, sinh ngày 16 tháng 7 năm 1981 tại Yên Bái; nơi cư trú: Số 6 lô 22, phường ĐK, quận NQ, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nữ; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Duy K và bà Vũ Thị V; có chồng là Lê Công Đ và 04 con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 31 tháng 7 năm 2020 đến ngày 08 tháng 8 năm 2020 thay thế bằng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

2. **Lê Thị Thanh Th**, sinh ngày 17 tháng 01 năm 1976 tại Hải Phòng; nơi ĐKKHKT: Thôn TL, xã VP, huyện CH, thành phố Hải Phòng; nơi cư trú: Số 88/270 đường ĐN, phường CT, quận NQ, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Kế toán; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nữ; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Xuân C và bà Nguyễn Thị T; có chồng là Đỗ Văn T và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 01 tháng 3 năm 2021. Có mặt.

3. **Nguyễn Trung T**, sinh ngày 19 tháng 8 năm 1982, tại Hải Phòng; nơi cư trú: Số 23 tổ 3 NP 2, phường ĐG, quận NQ, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Giám đốc Công ty Cổ phần tư vấn và đầu tư xây dựng CD; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn S và Nguyễn Thị Th; có vợ là Đỗ Thu Th và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 05 tháng 8 năm 2020 đến ngày 14 tháng 8 năm 2020 chuyển tạm giam, từ ngày 10 tháng 9 năm 2020 thay đổi biện pháp ngăn chặn từ tạm giam sang bảo lãnh. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

+ Công ty Cổ phần tư vấn và đầu tư xây dựng CD; địa chỉ: Tầng 6, tòa nhà TM, đường LH, phường ĐK, quận NQ, thành phố Hải Phòng – Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Trung T – Giám đốc. Có mặt.

+ Chị Nguyễn Thị Quỳnh T, sinh năm 1981; nơi cư trú: Số 20 đường ĐC, phường MT, quận NQ, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt.

NỘI D VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội D vụ án được tóm tắt như sau:

1. Hành vi mua bán trái phép hóa đơn giá trị gia tăng của Vũ Thị Thu D, Nguyễn Thị Quỳnh T và Lê Thị Thanh Th

Từ tháng 8 năm 2010 đến tháng 5 năm 2020, Vũ Thị Thu D đã thành lập Công ty và sử dụng Công ty do các đối tượng khác thành lập, không có hoạt động mua bán hàng hóa, dịch vụ trên thực tế, nhằm mục đích thực hiện hành vi bán trái phép hóa đơn giá trị gia tăng (GTGT) thu lợi bất chính gồm 07 Công ty sau:

- Công ty Trách nhiệm hữu hạn thương mại và dịch vụ DA (viết tắt là Công ty TNHH DA) MSDN 0201105926 cấp ngày 02 tháng 8 năm 2010, địa chỉ trụ sở: Số 17 đường LL, phường LL, quận NQ, thành phố Hải Phòng. Những người đứng tên giám đốc Công ty gồm: Nguyễn Thị Quỳnh T, sinh năm 1981, hộ khẩu thường trú tại Số 20 đường ĐC, phường MT, quận NQ, thành phố Hải Phòng; Vũ Thị V, sinh năm 1956, hộ khẩu thường trú tại số 013 đường LTV, phường LC, thành phố LC, tỉnh Lào Cai; Vũ Thị Th Nh, sinh năm 1952, hộ khẩu thường trú tại tổ 3 phường QT, thành phố PL, tỉnh Hà Nam.

- Công ty Cổ phần thương mại và xuất nhập khẩu DA (viết tắt là Công ty cổ phần DA), MSDN 0201190449 cấp ngày 30 tháng 7 năm 2011, địa chỉ trụ sở: Số 27 đường TKD, phường MT, quận NQ, thành phố Hải Phòng. Những người đứng tên giám đốc Công ty gồm: Vũ Duy K, sinh năm 1956, hộ khẩu thường trú tại số 013 đường LTV, phường LC, thành phố LC, tỉnh Lào Cai; Vũ Thị Th Nh, sinh năm 1952, hộ khẩu thường trú tại tổ 3 phường QT, thành phố PL, tỉnh Hà Nam.

- Công ty Trách nhiệm hữu hạn thương mại và xây dựng TT (viết tắt là Công ty TT) MSDN 0201122745 cấp ngày 15 tháng 10 năm 2010, địa chỉ trụ sở: Số 20

đường ĐC, phường MT, quận NQ, thành phố Hải Phòng. Người đứng tên giám đốc Công ty là Vũ Thị Th, sinh năm 1953, hộ khẩu thường trú tại Số 20 đường ĐC, phường MT, quận NQ, thành phố Hải Phòng.

- Công ty Trách nhiệm hữu hạn thương mại vật liệu xây dựng HH (viết tắt là Công ty HH), MSDN 0201259203 cấp ngày 04 tháng 5 năm 2012, địa chỉ trụ sở: Số 81 TKD, phường MT, quận NQ, thành phố Hải Phòng. Người đứng tên giám đốc Công ty là Nguyễn Xuân Tr, sinh năm 1980, hộ khẩu thường trú tại xóm 3 xã Đông Sơn, huyện Th Nguyên, thành phố Hải Phòng.

- Công ty Trách nhiệm hữu hạn thương mại TLP (viết tắt là Công ty TLP), MSDN 0201316028 cấp ngày 14 tháng 10 năm 2013, địa chỉ trụ sở: Số 1265 NGT, phường NH, quận HA, thành phố Hải Phòng. Người đứng tên giám đốc Công ty là Lâm Văn T, sinh năm 1990, hộ khẩu thường trú tại xóm 5 xã TL, huyện VB, thành phố Hải Phòng.

- Công ty Trách nhiệm hữu hạn phát triển thương mại vận tải dịch vụ QV (viết tắt là Công ty QV), MSDN 0201863944 cấp ngày 29 tháng 3 năm 2018, địa chỉ trụ sở: Số 2/2 NK, phường CD, quận NQ, thành phố Hải Phòng. Người đứng tên giám đốc Công ty là Vũ Thị H, sinh năm 1970, hộ khẩu thường trú tại Số 2/2 NK, phường CD, quận NQ, thành phố Hải Phòng.

- Công ty Trách nhiệm hữu hạn xây dựng thương mại và vận tải TM (viết tắt là Công ty TM), MSDN 0201893850 cấp ngày 25 tháng 7 năm 2018, địa chỉ trụ sở: Số 1265 NGT, phường NH, quận HA, thành phố Hải Phòng. Người đứng tên giám đốc Công ty là Vũ Thị Th Nh, sinh năm 1952, hộ khẩu thường trú tại tổ 3 phường QT, thành phố PL, tỉnh Hà Nam.

Tại các Công ty trên, Vũ Thị Thu D đã ghi không các nội D mua bán hàng hóa, dịch vụ không có trên thực tế, bán trái phép tổng số 3.418 hóa đơn GTGT, giá trị tiền hàng hóa, dịch vụ chưa thuế ghi không là 1.720.531.250.101 đồng, gồm: 849 hóa đơn của Công ty TNHH DA với số tiền hàng chưa thuế là 382.391.542.255 đồng; 375 hóa đơn của Công ty cổ phần DA với số tiền hàng chưa thuế là 246.117.387.890 đồng; 523 hóa đơn của Công ty TT với số tiền hàng chưa thuế là 338.459.109.572 đồng; 839 hóa đơn của Công ty HH với số tiền hàng chưa thuế là 379.858.570.268 đồng; 506 hóa đơn của Công ty TLP với số tiền hàng chưa thuế là 211.013.966.441 đồng; 251 hóa đơn của Công ty QV với số tiền hàng chưa thuế là 123.981.292.765 đồng; 75 hóa đơn của Công ty TM với số tiền hàng chưa thuế là 38.709.380.910 đồng.

Tại Cơ quan điều tra, Vũ Thị Thu D khai: Các hóa đơn bán ra từ năm 2015 trở về trước, ghi không tổng tiền hàng chưa thuế 516.685.021.010 đồng được D bán với giá 13 triệu đồng/01 tỷ (1,3%) đồng tiền hàng chưa thuế ghi không thu được số tiền 6.716.905.273 đồng; các hóa đơn bán ra từ sau năm 2015, ghi không tổng tiền hàng chưa thuế 1.203.846.229.091 đồng, được D bán với giá 1,6 triệu

đồng/01 tỷ (0,16%) đồng tiền hàng chưa thuế ghi không thu được số tiền 1.926.153.966 đồng. Tổng cộng D thu được 8.643.059.239 đồng.

Để hợp lý hóa đầu vào, từ tháng 8 năm 2010 đến trước năm 2015, D khai mua khoảng 250 hóa đơn GTGT ghi không tổng tiền hàng hóa dịch vụ chưa thuế 512.578.910.172 đồng với giá 12 triệu đồng/01 tỷ (1,2%) đồng tiền hàng chưa thuế ghi không hết số tiền 6.150.946.922 đồng và sử dụng hóa đơn của các Công ty để làm đầu vào cho nhau gồm: Công ty TNHH DA kê khai 25 hóa đơn của các Công ty TT, HH tổng tiền hàng chưa thuế 28.656.264.004 đồng; Công ty cổ phần DA kê khai 50 hóa đơn của các Công ty TNHH DA, TT, HH, TLP, QV tổng tiền hàng chưa thuế 84.748.156.018 đồng. Từ năm 2015 đến nay, do cơ quan thuế không yêu cầu kê khai chi tiết các hóa đơn đầu vào, nên D không phải mua hóa đơn.

Các chi phí khác gồm: D khai trả tiền thuê Nguyễn Thị Quỳnh T hết 347.000.000 đồng; trả tiền thuê Lê Thị Thanh Th hết 90.000.000 đồng; trả tiền thuê nhà số 27 TKD, quận NQ, thành phố Hải Phòng (từ tháng 01 năm 2011 đến tháng 7 năm 2020) với giá 07 triệu đồng/tháng hết 805.000.000 đồng. Các Công ty TNHH DA, Cổ phần DA, TT, HH, TLP, QV, TM đã nộp ngân sách Nhà nước tổng số 991.922.651 đồng tiền thuế các loại. Tổng cộng D chi hết 8.384.869.573 đồng.

Tổng số tiền D thu được trừ đi các khoản D đã chi thì D thu lời bất chính là 258.189.666 đồng (8.643.059.239 đồng - 8.384.869.573 đồng).

Để giúp sức cho việc mua bán trái phép hóa đơn GTGT nêu trên, Vũ Thị Thu D thuê các đối tượng:

- Nguyễn Thị Quỳnh T được D thuê làm kế toán từ tháng 8 năm 2010, đã thực hiện các công việc: Đứng tên giám đốc Công ty TNHH DA khi thành lập; đưa mẹ đẻ là bà Vũ Thị Th, sinh năm 1953, HKTT tại 20 ĐC, phường MT, quận NQ, thành phố Hải Phòng ký giấy tờ thủ tục đứng tên giám đốc thành lập Công ty TT; kê khai báo cáo thuế cho các Công ty TNHH DA, Công ty cổ phần DA, TT, HH từ khi thành lập đến năm 2017; đi giao dịch ngân hàng cho cả 07 Công ty cho đến tháng 12 năm 2019. Nguyễn Thị Quỳnh T đã giúp sức Vũ Thị Thu D bán trái phép tổng số 1.490 hóa đơn, ghi không số tiền hàng hóa, dịch vụ chưa thuế 953.891.406.610 đồng. Nguyễn Thị Quỳnh T khai nhận bản thân biết việc D thành lập các Công ty để mua bán trái phép hóa đơn, T làm kế toán giúp cho D bán trái phép hóa đơn là do T nể nang D, để được D thuê bán hàng tiêu dùng, mỹ phẩm tại cửa hàng của D tại số 27 TKD, quận NQ, thành phố Hải Phòng. D đã trả cho T tổng cộng 347 triệu đồng tiền công, T không được tiền thu lợi bất chính từ việc bán trái phép hóa đơn của D.

- Lê Thị Thanh Th được D thuê làm kế toán từ tháng 12 năm 2017 đến tháng 5 năm 2020 để kê khai báo cáo thuế cho các Công ty TNHH DA, Cổ phần DA, TLP, QV, TM. Từ tháng 12 năm 2017 đến tháng 6 năm 2020, các Công ty TNHH DA, Cổ phần DA, HH, TLP, QV, TM, kê khai xuất bán 1.170 số hóa đơn, ghi không số tiền hàng chưa thuế là 613.069.762.040 đồng. Trong đó từ tháng 01

năm 2019 đến tháng 6 năm 2020, các Công ty TNHH DA, HH, TLP tạm dừng kinh doanh, còn các Công ty cổ phần DA, QV, TM kê khai xuất bán 443 hóa đơn, ghi không số tiền hàng chưa thuế là 274.592.144.193 đồng. Lê Thị Thanh Th khai: Lúc đầu, D đưa Th đầy đủ hóa đơn đầu vào, đầu ra của các Công ty. Từ năm 2019, khi D không đưa hóa đơn đầu vào của các Công ty cổ phần DA, QV, TM thì Th đã kê khai theo hướng dẫn của D đầu vào là Công ty tên “Đại Phát”, không có mã số thuế. Bản thân Th có trình độ kế toán, nhận thức được việc các Công ty của D không có hóa đơn đầu vào nhưng vẫn kê khai hàng hóa dịch vụ đầu vào là trái quy định pháp luật nhưng vẫn kê khai thuế cho các Công ty, giúp sức cho D bán trái phép hóa đơn. Từ tháng 12 năm 2017 đến tháng 5 năm 2020, D hứa trả công 3.000.000 đồng/tháng cho Th nhưng do có tháng D không trả công cho Th nên thực tế Th chỉ nhận được tổng cộng 50.000.000 đồng tiền công.

- Ngoài Nguyễn Thị Quỳnh T, những người khác đứng tên giám đốc các Công ty gồm: Vũ Duy K – Giám đốc Công ty cổ phần DA là bố đẻ của Vũ Thị Thu D khai đã được D nhờ đứng tên giám đốc Công ty, do tin tưởng D kinh doanh hợp pháp nên đã đồng ý và không biết gì về hoạt động của Công ty; Vũ Thị V – Giám đốc Công ty TNHH DA là mẹ đẻ của Vũ Thị Thu D và Vũ Thị Th Nh – Giám đốc các Công ty TNHH DA, Cổ phần DA, TM là bác của Vũ Thị Thu D khai do tin tưởng D nên đã ký một số giấy tờ thủ tục do D đưa, không biết việc bản thân đứng tên giám đốc và không biết gì về hoạt động của Công ty; Vũ Thị Th – Giám đốc Công ty TT là mẹ đẻ của Nguyễn Thị Quỳnh T khai do tin tưởng T không làm gì bất hợp pháp nên đã ký một số giấy tờ thủ tục do T đưa, không biết việc bản thân đứng tên giám đốc và không biết gì về hoạt động của Công ty; Lâm Văn T – Giám đốc Công ty TLP khai đã đứng tên giám đốc và cùng một nam giới không rõ nhân thân lai lịch thành lập Công ty để kinh doanh nhưng không được giữ con dấu, giấy tờ và không biết gì về hoạt động của Công ty; Nguyễn Xuân Tr – Giám đốc Công ty HH và Vũ Thị H – Giám đốc Công ty QV vắng mặt tại nơi cư trú, cơ quan điều tra chưa lấy được lời khai.

Ngoài ra, Cơ quan điều tra đã xác minh:

- Các đối tượng đứng tên mở tài khoản cho các Công ty gồm: Lê Thị L và Phạm Lan H đứng tên kế toán trong hồ sơ mở tài khoản Công ty TLP; Trần Thị Ng đứng tên Phó giám đốc trong hồ sơ mở tài khoản Công ty TLP; Bùi Văn Ch và Nguyễn Thị D đứng tên kế toán trong hồ sơ mở tài khoản Công ty HH; Phạm Thị Ng đứng tên kế toán trong hồ sơ mở tài khoản Công ty TNHH DA. Các cá nhân trên khai không biết việc bản thân có đứng tên trong hồ sơ, không tham gia và không biết gì về hoạt động của các Công ty. Phạm Thị H, Phùng Văn Đ, Đoàn Thành Đ khai được Vũ Thị Thu D nhờ đi giao dịch ngân hàng cho các Công ty nhưng không biết là để phục vụ việc mua bán trái phép hóa đơn. Đỗ Như H đứng tên kế toán trong hồ sơ mở tài khoản Công ty TNHH DA vắng mặt tại địa phương, chưa ghi được lời khai.

- Xác minh tại địa chỉ trụ sở các Công ty TNHH DA, HH, TT, TLP, TM, QV đều không có Công ty nào hoạt động. Tại số 27 TKD, NQ, Hải Phòng là nơi đăng ký địa chỉ trụ sở Công ty cổ phần DA và địa điểm kinh doanh của các Công ty TNHH DA, TM, do Vũ Thị Thu D mở cửa hàng bán hàng tiêu dùng, mỹ phẩm đồng thời làm bình phong che giấu hoạt động mua bán trái phép hóa đơn.

- Ngoài Công ty Cổ phần tư vấn và đầu tư xây dựng CD do Nguyễn Trung T làm giám đốc mua hóa đơn ghi khống nội D hàng hóa dịch vụ để trốn thuế như trên, Cơ quan điều tra đã xác minh được 40 Công ty đầu ra khác mà các Công ty của Vũ Thị Thu D xuất hóa đơn, trong đó: 30 Công ty cho biết, có mua hàng hóa, dịch vụ trên thực tế và được người bán hàng (không rõ nhân thân lai lịch) xuất hóa đơn GTGT và đã sử dụng kê khai thuế GTGT đầu vào, nên không đủ căn cứ xác định các Công ty này đã sử dụng không hợp pháp hóa đơn; 08 Công ty có người đại diện pháp luật vắng mặt tại địa phương, chưa ghi được lời khai; 02 Công ty không kê khai sử dụng hóa đơn.

- Xác minh 05 Công ty đầu vào: 03 Công ty giám đốc vắng mặt tại địa phương, 01 Công ty giám đốc đã chết, 01 Công ty không xuất ra hóa đơn GTGT mà Công ty của D kê khai đầu vào.

2. Hành vi trốn thuế của Nguyễn Trung T

Nguyễn Trung T là giám đốc Công ty Cổ phần tư vấn và đầu tư xây dựng CD – mã số thuế 0201202260. Từ tháng 11 năm 2017 đến tháng 5 năm 2020, do mua một số hàng hóa dịch vụ đầu vào từ các nguồn trôi nổi không có hóa đơn GTGT kèm theo nên Nguyễn Trung T đã mua của Vũ Thị Thu D tổng số 36 hóa đơn GTGT, tổng số tiền hàng hóa, dịch vụ chưa thuế ghi khống trên hóa đơn là 93.382.454.796 đồng, thuế GTGT 10%, gồm: 10 hóa đơn của Công ty cổ phần DA, 14 hóa đơn của Công ty TLP, 11 hóa đơn của Công ty QV, 01 hóa đơn của Công ty TM, Tuyên khai với giá 8%/tổng số hàng hóa, dịch vụ chưa thuế ghi khống trên hóa đơn hết số tiền 7.470.596.383 đồng. Thực tế giữa Công ty CD và các Công ty xuất hóa đơn đều không mua bán hàng hóa, dịch vụ gì. Các hóa đơn trên đã được sử dụng kê khai hạch toán thuế GTGT đầu vào cho Công ty CD trong các kỳ kê khai thuế từ quý 4 năm 2017 đến tháng 5 năm 2020. Việc mua bán hóa đơn với D do một mình Tuyên thực hiện, các cá nhân khác tại Công ty CD chỉ thực hiện công việc chuyên môn theo sự chỉ đạo, phân công của Tuyên, không biết về hành vi trốn thuế của Tuyên.

Tại bản Kết luận giám định ngày 13 tháng 8 năm 2020 và ngày 11 tháng 12 năm 2020 của Chi cục thuế khu vực Ngô Quyền - Hải An - thành phố Hải Phòng kết luận: Hành vi mua hóa đơn lập khống để hạch toán giá vốn, kê khai, khấu trừ thuế GTGT đầu vào dẫn đến thiếu số thuế phải nộp của Công ty Cổ phần tư vấn và đầu tư xây dựng CD là hành vi trốn thuế. Số thuế GTGT bị thất thu cho ngân sách Nhà nước do hành vi của Nguyễn Trung T mua hàng hóa, dịch vụ đầu vào không có hóa đơn GTGT kèm theo, sau đó mua 36 hóa đơn GTGT ghi khống nội D hàng

hóa, dịch vụ kê khai thuế GTGT, hợp thức hóa đầu vào cho Công ty Cổ phần tư vấn và đầu tư xây dựng CD dẫn đến thiếu số thuế phải nộp là 6.846.641.060 đồng.

Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Trung T đã khai nhận toàn bộ hành vi trốn thuế của mình như đã nêu trên.

Vật chứng vụ án thu được gồm: Các sổ sách, chứng từ, hóa đơn liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo được lưu trong hồ sơ vụ án; các vật chứng được chuyển đến Cơ quan thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng gồm: 01 CPU máy tính hiệu Omega và 01 điện thoại Iphone thu giữ của Vũ Thị Thu D, 01 CPU máy tính hiệu HP và 06 USB token thu giữ của Lê Thị Thanh Th, 01 CPU máy tính hiệu Lenovo thu giữ của Công ty Cổ phần tư vấn và đầu tư xây dựng CD.

Với nội D trên, tại bản Cáo trạng số 69/CT-VKSHP-P1 ngày 06 tháng 5 năm 2021 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng đã truy tố bị can Vũ Thị Thu D về tội “Mua bán trái phép hoá đơn, chứng từ thu nộp ngân sách Nhà nước” theo quy định tại các điểm d, đ, e khoản 2 Điều 203 Bộ luật Hình sự; truy tố bị can Lê Thị Thanh Th về tội “Mua bán trái phép hoá đơn, chứng từ thu nộp ngân sách Nhà nước” theo quy định tại các điểm d, e khoản 2 Điều 203 Bộ luật Hình sự; truy tố bị can Nguyễn Trung T về tội “Trốn thuế” theo quy định tại khoản 3 Điều 200 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội D bản Cáo trạng đã nêu.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo như nội D bản Cáo trạng, khẳng định việc truy tố bị cáo Vũ Thị Thu D về tội “Mua bán trái phép hoá đơn, chứng từ thu nộp ngân sách Nhà nước” theo quy định tại các điểm d, đ, e khoản 2 Điều 203 Bộ luật Hình sự; truy tố bị cáo Lê Thị Thanh Th về tội “Mua bán trái phép hoá đơn, chứng từ thu nộp ngân sách Nhà nước” theo quy định tại các điểm d, e khoản 2 Điều 203 Bộ luật Hình sự; truy tố bị cáo Nguyễn Trung T về tội “Trốn thuế” theo quy định tại khoản 3 Điều 200 Bộ luật Hình sự là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Sau khi phân tích vai trò, hành vi phạm tội của các bị cáo, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự áp dụng đối với các bị cáo, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng các điểm d, đ, e khoản 2 Điều 203; điểm s, n khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 2 Điều 52; Điều 17, Điều 35, Điều 58 Bộ luật Hình sự; xử phạt: Bị cáo Vũ Thị Thu D từ 250.000.000 đồng đến 350.000.000 đồng về tội “Mua bán trái phép hoá đơn, chứng từ thu nộp ngân sách Nhà nước”.

- Áp dụng các điểm d, e khoản 2 Điều 203; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17, Điều 35, Điều 58 Bộ luật Hình sự; xử phạt: Bị cáo Lê Thị Thanh Th từ 200.000.000 đồng đến 250.000.000 đồng về tội “Mua bán trái phép hoá đơn, chứng từ thu nộp ngân sách Nhà nước”.

- Áp dụng khoản 3 Điều 200; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 35 Bộ luật Hình sự; xử phạt: Bị cáo Nguyễn Trung T từ 2.000.000.000 đồng đến 2.500.000.000 đồng về tội “Trốn thuế”.

Buộc các bị cáo phải nộp lại số tiền thu lợi bất chính để sung quỹ Nhà nước, cụ thể: Bị cáo Vũ Thị Thu D phải nộp lại số tiền 258.189.666 đồng; bị cáo Lê Thị Thanh Th phải nộp lại số tiền 90.000.000 đồng; bị cáo Nguyễn Trung T phải nộp lại số tiền 6.846.641.060 đồng.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự; đề nghị Hội đồng xét xử tuyên: Trả lại cho bị cáo Vũ Thị Thu D: 01 CPU máy tính màu đen đã qua sử dụng hiệu Omega và 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu vàng; trả lại cho Công ty Cổ phần tư vấn và đầu tư xây dựng CD: 01 CPU máy tính màu đen đã qua sử dụng hiệu Lenovo; tịch thu, sung vào ngân sách Nhà nước: 01 CPU máy tính màu đen đã qua sử dụng hiệu HP; tịch thu, tiêu hủy: 06 USB token Viettel màu bạc.

Các bị cáo không tranh luận với Kiểm sát viên và nói lời sau cùng: Các bị cáo đều đã nhận thức rõ hành vi phạm tội của mình, đề nghị Hội đồng xét xử cho các bị cáo được hưởng mức hình phạt thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Về tố tụng:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Hải Phòng, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là chị Nguyễn Thị Quỳnh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Xét thấy, chị Nguyễn Thị Quỳnh T đã có đầy đủ lời khai tại Cơ quan điều tra, việc vắng mặt của chị Nguyễn Thị Quỳnh T không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Căn cứ khoản 1 Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng vẫn tiến hành xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị Quỳnh T.

- Về tội danh:

[3] Tại phiên tòa, các bị cáo Vũ Thị Thu D, Lê Thị Thanh Th, Nguyễn Trung T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội D bản Cáo trạng. Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa thống nhất và phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với vật chứng thu giữ, kết luận giám

định, kết quả xác minh của Cơ quan điều tra cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đủ căn cứ xác định:

[4] Từ tháng 8 năm 2010 đến tháng 5 năm 2020, Vũ Thị Thu D đã thành lập Công ty và sử dụng Công ty do các đối tượng khác thành lập, không có mua bán hàng hóa, dịch vụ trên thực tế để thực hiện hành vi mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách Nhà nước tại 07 công ty, xuất bán tổng số 3.418 hóa đơn GTGT, ghi không số tiền hàng hóa, dịch vụ chưa thuế là 1.720.531.250.101 đồng; mua 250 hóa đơn GTGT ghi không tổng tiền hàng hóa dịch vụ chưa thuế 512.578.910.172 đồng; sử dụng hóa đơn của các Công ty để làm đầu vào cho nhau: Công ty TNHH DA kê khai 25 hóa đơn của các Công ty TT, HH tổng tiền hàng chưa thuế 28.656.264.004 đồng; Công ty cổ phần DA kê khai 50 hóa đơn của các Công ty TNHH DA, TT, HH, TLP, QV tổng tiền hàng chưa thuế 84.748.156.018 đồng. Như vậy, có đủ căn cứ kết luận hành vi của bị cáo Vũ Thị Thu D đã phạm tội “Mua bán trái phép hoá đơn, chứng từ thu nộp ngân sách Nhà nước” theo quy định tại Điều 203 Bộ luật Hình sự như kết luận của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[5] Từ tháng 12 năm 2017 đến tháng 5 năm 2020, bị cáo Lê Thị Thanh Th được bị cáo Vũ Thị Thu D thuê làm kế toán để kê khai báo cáo thuế cho các Công ty TNHH DA, Cổ phần DA, TLP, QV, TM, giúp sức cho D bán trái phép tổng cộng 443 hóa đơn, ghi không số tiền hàng chưa thuế là 274.592.144.193 đồng. Như vậy, có đủ căn cứ kết luận hành vi của bị cáo Lê Thị Thanh Th đã phạm tội “Mua bán trái phép hoá đơn, chứng từ thu nộp ngân sách Nhà nước” theo quy định tại Điều 203 Bộ luật Hình sự như kết luận của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[6] Từ tháng 11 năm 2017 đến tháng 5 năm 2020, Nguyễn Trung T đã mua của Vũ Thị Thu D tổng số 36 hóa đơn GTGT ghi không nội D hàng hóa, dịch vụ để kê khai thuế GTGT, hợp thức hóa đầu vào cho Công ty Cổ phần tư vấn và đầu tư xây dựng CD dẫn đến thiếu số thuế phải nộp là 6.846.641.060 đồng. Như vậy, có đủ căn cứ kết luận hành vi của bị cáo Nguyễn Trung T đã phạm tội “Trốn thuế” theo quy định tại Điều 200 Bộ luật Hình sự như kết luận của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[7] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chế độ quản lý của Nhà nước đối với các loại hóa đơn, chứng từ, các quy định của Nhà nước trong lĩnh vực thuế, xâm hại đến lợi ích quốc gia về kinh tế, làm suy giảm đến ngân sách Nhà nước. Chính vì vậy, cần phải xử lý nghiêm khắc bằng pháp luật hình sự đối với các bị cáo mới có tác dụng giáo dục, cải tạo các bị cáo, đồng thời phòng ngừa, ngăn chặn tội phạm tương tự xảy ra.

- Về tình tiết định khung hình phạt:

[8] Bị cáo Vũ Thị Thu D đã xuất bán trái phép 3.418 số hóa đơn GTGT, mua trái phép 250 số hóa đơn GTGT và thu lợi bất chính số tiền 258.189.666 đồng.

Việc bị cáo D bán trái phép hóa đơn GTGT cho bị cáo Tuyên dẫn đến bị cáo Tuyên đã sử dụng các hóa đơn đó thực hiện hành vi trốn thuế gây thất thu thuế của Nhà nước số tiền 6.846.641.060 đồng. Do đó, bị cáo Vũ Thị Thu D bị xét xử với các tình tiết khung hình phạt *“Hóa đơn, chứng từ đã ghi nội D từ 30 số trở lên; Thu lợi bất chính 100.000.000 đồng trở lên; Gây thiệt hại cho ngân sách Nhà nước từ 100.000.000 đồng trở lên”* theo quy định tại các điểm d, đ, e khoản 2 Điều 203 Bộ luật Hình sự như kết luận của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[9] Bị cáo Lê Thị Thanh Th đã giúp sức cho bị cáo Vũ Thị Thu D bán trái phép 443 số hóa đơn GTGT, trong đó có các số hóa đơn GTGT D đã bán cho bị cáo Tuyên để Tuyên thực hiện hành vi trốn thuế gây thất thu thuế của Nhà nước số tiền 6.846.641.060 đồng, thu lợi bất chính số tiền 90.000.000 đồng là tiền lương bị cáo đã được nhận. Do đó, bị cáo Lê Thị Thanh Th bị xét xử với các tình tiết khung hình phạt *“Hóa đơn, chứng từ đã ghi nội D từ 30 số trở lên; Gây thiệt hại cho ngân sách Nhà nước từ 100.000.000 đồng trở lên”* theo quy định tại các điểm d, e khoản 2 Điều 203 Bộ luật Hình sự như kết luận của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[10] Bị cáo Nguyễn Trung T đã thực hiện hành vi trốn thuế giá trị gia tăng số tiền 6.846.641.060 đồng. Do đó, bị cáo Nguyễn Trung T bị xét xử với tình tiết khung hình phạt *“Phạm tội trốn thuế với số tiền 1.000.000.000 đồng trở lên”* theo quy định tại khoản 3 Điều 200 Bộ luật Hình sự như kết luận của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

- Về đánh giá vai trò của các bị cáo trong vụ án:

[11] Bị cáo Vũ Thị Thu D và bị cáo Lê Thị Thanh Th có vai trò đồng phạm, trong đó bị cáo Vũ Thị Thu D là người chủ mưu, cầm đầu, chỉ đạo toàn bộ hoạt động tội phạm; bị cáo Lê Thị Thanh Th có vai trò giúp sức tích cực cho bị cáo Vũ Thị Thu D.

[12] Bị cáo Nguyễn Trung T có vai trò độc lập, phải chịu trách nhiệm về số tiền trốn thuế do mình thực hiện.

- Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt:

[13] Các bị cáo Vũ Thị Thu D, Lê Thị Thanh Th, Nguyễn Trung T đều có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

[14] Các bị cáo Vũ Thị Thu D, Lê Thị Thanh Th đã nhiều lần thực hiện hành vi mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách Nhà nước; bị cáo Nguyễn Trung T đã nhiều lần thực hiện hành vi trốn thuế nên các bị cáo Vũ Thị Thu D, Lê Thị Thanh Th, Nguyễn Trung T đều phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự *“Phạm tội 02 lần trở lên”* theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[15] Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo Vũ Thị Thu D, Lê Thị Thanh Th, Nguyễn Trung T đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên đều được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Vũ Thị Thu D khi phạm tội là phụ nữ có thai và hiện đang nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm n khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Trước khi xét xử, các bị cáo Vũ Thị Thu D, Lê Thị Thanh Th đã nộp lại toàn bộ số tiền thu lợi bất chính, bị cáo Nguyễn Trung T đã nộp lại toàn bộ số tiền trốn thuế nên các bị cáo Vũ Thị Thu D, Lê Thị Thanh Th, Nguyễn Trung T đều được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[16] Bị cáo Vũ Thị Thu D và bị cáo Lê Thị Thanh Th đã nộp lại toàn bộ số tiền thu lợi bất chính, bị cáo Nguyễn Trung T đã nộp lại toàn bộ số tiền trốn thuế; các bị cáo đều có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; bị cáo Vũ Thị Thu D hiện đang nuôi con nhỏ; hành vi phạm tội của bị cáo Lê Thị Thanh Th có mức độ; bị cáo Nguyễn Trung T có đơn đề nghị xin được áp dụng phạt tiền là hình phạt chính có xác nhận của Công ty và đã tự nguyện nộp phạt số tiền 1.500.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy có thể áp dụng hình phạt chính là phạt tiền theo quy định tại Điều 35 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo cũng đủ tác dụng giáo dục, cải tạo các bị cáo và thể hiện chính sách khoan hồng của Nhà nước như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, được chấp nhận.

- Xử lý tiền thu lợi bất chính, tiền trốn thuế và vật chứng (Căn cứ Điều 46, Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự):

[17] Bị cáo Vũ Thị Thu D và bị cáo Lê Thị Thanh Th đã nộp đủ số tiền thu lợi bất chính của các bị cáo; bị cáo Nguyễn Trung T đã nộp lại đủ số tiền trốn thuế của bị cáo.

[18] Trả lại cho bị cáo Vũ Thị Thu D những vật dụng không sử dụng vào việc phạm tội bao gồm: 01 CPU máy tính hiệu Omega, 01 điện thoại Iphone.

[19] Trả lại cho Công ty Cổ phần tư vấn và đầu tư xây dựng CD 01 CPU máy tính hiệu Lenovo không sử dụng vào việc phạm tội.

[20] Tịch thu, sung vào ngân sách Nhà nước các công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội còn giá trị sử dụng bao gồm: 01 CPU máy tính hiệu HP thu giữ của bị cáo Lê Thị Thanh Th.

[21] Tịch thu, tiêu hủy đối với các công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội, không còn giá trị sử dụng bao gồm: 06 USB token thu giữ của bị cáo Lê Thị Thanh Th.

- Về án phí và quyền kháng cáo:

[22] Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và được quyền kháng cáo Bản án theo quy định pháp luật.

- Về những nội dung khác có liên quan đến vụ án:

[23] Ngoài hành vi giúp sức cho Vũ Thị Thu D mua bán trái phép hóa đơn GTGT, Nguyễn Thị Quỳnh T còn thực hiện hành vi đồng phạm với Trịnh Văn Đ, sinh năm 1974, ĐKHKT tại thôn PL, xã AH, huyện AD, thành phố Hải Phòng mua bán trái phép hóa đơn GTGT, đã bị khởi tố bị can trong vụ án “Trịnh Văn Đ Mua bán trái phép hóa đơn chứng từ thu nộp ngân sách Nhà nước” cũng do Cơ quan An ninh điều tra – Công an thành phố Hải Phòng thụ lý điều tra, theo Quyết định khởi tố vụ án hình sự số 03 ngày 18 tháng 12 năm 2020. Cơ quan điều tra đã tách hành vi của bị can Nguyễn Thị Quỳnh T trong vụ án này để nhập vào vụ án Trịnh Văn Đ cùng đồng phạm tội “Mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách Nhà nước” tiếp tục điều tra, xử lý sau.

[24] Cơ quan điều tra tách rút hồ sơ, tài liệu có liên quan để tiếp tục điều tra làm rõ, xử lý sau đối với: Giám đốc các Công ty hiện vắng mặt tại địa phương cơ quan điều tra chưa ghi được lời khai; các Công ty sử dụng hóa đơn GTGT đầu ra của 07 Công ty trên chưa điều tra, xác minh được; các đối tượng mua, bán hoá đơn GTGT với Vũ Thị Thu D hiện chưa xác định được nhân thân, lai lịch để tiếp tục điều tra làm rõ xử lý sau.

[25] Đối với số tiền Vũ Thị Thu D trả cho Nguyễn Thị Quỳnh T tổng cộng là 347 triệu đồng: T khai đây là tiền D trả cho T để T bán hàng tiêu dùng, mỹ phẩm tại cửa hàng của D tại số 27 TKD, quận NQ, thành phố Hải Phòng; việc T làm kế toán giúp cho D mua bán hoá đơn là do T nể nang D, T không được trả công cho việc làm này. Tại phiên tòa hôm nay, D không phân biệt được số tiền trả công thuê T bán mỹ phẩm là bao nhiêu và trả công làm kế toán bao nhiêu. Trong quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã cho D và T đối chất với nhau về số tiền D đã trả cho T do việc T làm kế toán cho D, cả hai vẫn giữ nguyên lời khai của bản thân. Do đó, không có cơ sở để buộc Nguyễn Thị Quỳnh T phải nộp lại số tiền 347 triệu đồng để sung ngân sách Nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh và hình phạt:

- Căn cứ điểm d, đ, e khoản 2 Điều 203; điểm s, n khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17, Điều 35, Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo **Vũ Thị Thu D** 280.000.000 (Hai trăm tám mươi triệu) đồng về tội “Mua bán trái phép hoá đơn, chứng từ thu nộp ngân sách Nhà nước”.

- Căn cứ điểm d, e khoản 2 Điều 203; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17, Điều 35, Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo **Lê Thị Thanh Th** 200.000.000 (Hai trăm triệu) đồng về tội “Mua bán trái phép hoá đơn, chứng từ thu nộp ngân sách Nhà nước”.

- Căn cứ khoản 3 Điều 200; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 35 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo **Nguyễn Trung T** 1.700.000.000 (*Một tỷ bảy trăm triệu*) đồng về tội “Trốn thuế”.

Ghi nhận việc bị cáo Nguyễn Trung T đã nộp số tiền 1.500.000.000 (*Một tỷ năm trăm triệu*) đồng, theo biên lai thu tiền số 0007043 ngày 20 tháng 7 năm 2021 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Bị cáo Nguyễn Trung T còn phải nộp tiếp số tiền 200.000.000 (*Hai trăm triệu*) đồng.

2. Về thu lợi bất chính, tiền trốn thuế và xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, xử:

- Tịch thu, sung vào ngân sách Nhà nước số tiền thu lợi bất chính của bị cáo Vũ Thị Thu D đã nộp là 258.189.666 (*Hai trăm năm mươi tám triệu một trăm tám mươi chín nghìn sáu trăm sáu mươi sáu*) đồng theo Biên lai thu tiền số 0007048 ngày 30 tháng 7 năm 2021 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng.

- Tịch thu, sung vào ngân sách Nhà nước số tiền thu lợi bất chính của bị cáo Lê Thị Thanh Th đã nộp là 90.000.000 (*Chín mươi triệu*) đồng theo Biên lai thu tiền số 0006989 ngày 02 tháng 8 năm 2021 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng.

- Tịch thu, sung vào ngân sách Nhà nước số tiền trốn thuế của bị cáo Nguyễn Trung T đã nộp là 6.846.641.060 (*Sáu tỷ tám trăm bốn mươi sáu triệu sáu trăm bốn mươi một nghìn không trăm sáu mươi*) đồng theo Biên lai thu tiền số 0007042 ngày 20 tháng 7 năm 2021 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng.

- Trả lại cho bị cáo Vũ Thị Thu D: 01 CPU máy tính màu đen đã qua sử dụng hiệu Omega và 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu vàng đã qua sử dụng có số trên khay SIM là 357273098363452.

- Trả lại cho Công ty Cổ phần tư vấn và đầu tư xây dựng CD:01 CPU máy tính màu đen đã qua sử dụng hiệu Lenovo.

- Tịch thu, sung vào ngân sách Nhà nước: 01 CPU máy tính màu đen đã qua sử dụng hiệu HP.

- Tịch thu, tiêu hủy: 06 USB token Vittel màu bạc có các số sê ri: 5404180701020915, 5404190610003612, 5404191001046459, 5404180701000643, 5404191001046451, 5404191001046452.

(Vật chứng có đặc điểm chi tiết theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 10 tháng 5 năm 2021 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng).

3. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí

Tòa án: Các bị cáo Vũ Thị Thu D, Lê Thị Thanh Th, Nguyễn Trung T mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

- Các bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo phần Bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo phần Bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Vụ 1 - Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng;
- Phòng PV06 Công an thành phố Hải Phòng;
- Cục Thi hành án Dân sự thành phố Hải Phòng;
- Sở Tư pháp thành phố Hải Phòng;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Phòng KTNV và THA;
- Lưu: HS, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Đức Lập